

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-ST
Ngày: 30 / 3 / 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2021/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị Bạch B, sinh năm 1983; Quê quán: huyện TB - An Giang; nơi cư trú: Tổ 7, khóm Y, phường CPA, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc H, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Ngọc X, sinh năm 1953; có chồng Trần Thanh HI, sinh năm 1979; Con: có 06 người, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án: Ngày 20/01/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố X, kết án 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chiếm đoạt 4.790.000 đồng); đã có quyết định thi hành án, chưa chấp hành.

Tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến ngày 09/3/2021 được bảo lãnh, tại ngoại, chờ sinh con, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Trịnh Thị Thùy H, sinh năm 1977, nơi cư trú: Tổ 7, ấp VK, xã VT, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thanh HI, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 7, khóm Y, phường CPA, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 25/01/2021, Trần Thị Bạch B điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu SYMEN, biển số 67N2 – 5169, mua cà phê tại cửa hàng của Trịnh Thị Thùy H (tổ 7, ấp VK, xã VT, thành phố X). B nhìn thấy điện thoại di động, nhãn hiệu REALME RMX-2032, có ốp lưng của H để trên sàn nhà; lợi dụng sơ hở, B lấy trộm điện thoại đem về nhà (tổ 12, ấp PH, xã AP, huyện TB, tỉnh An Giang), cất giấu, chờ tiêu thụ. Phát hiện mất trộm tài sản, H trình báo Cơ quan Công an; B đầu thú, khai nhận hành vi vi phạm tội, giao nộp tài sản lấy trộm.

Vật chứng thu giữ do Trần Thị Bạch B giao nộp: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REALME RMX-2032 (đã trao trả cho bị hại H); 01 xe mô tô, nhãn hiệu SYMEN, biển số 67N2 – 5169 (đã trao trả cho chủ sở hữu Trần Thanh HI).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 41/KL-ĐG ngày 26/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố X, ghi nhận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME RMX-2032, có ốp lưng, trị giá 2.510.000 đồng.

Ngày 28/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố X, tỉnh An Giang ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trần Thị Bạch B về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSCĐ ngày 09/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố bị cáo Trần Thị Bạch B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Kháng định Cáo trạng số 19 ngày 09/3/2021 của VKSND TP X truy tố bị cáo Trần Thị Bạch B về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên giữ nguyên quan điểm truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giúp bị cáo cải sửa sai lầm của bản thân và nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án, chỉ cá nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không có đồng phạm. Xét về quá trình nhân thân, bị cáo từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, đã chấp hành nộp phạt. Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền án, bị kết án 09 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” đã có quyết định thi hành án, chưa chấp hành, chưa xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi

cố ý. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp; khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang mang thai; đầu thú, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tự nguyện giao nộp tài sản trộm. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*” (giao nộp tài sản chiếm đoạt), “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và “*Đầu thú*” quy định tại điểm b, n, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Đề nghị xử lý:

a) Về trách nhiệm hình sự:

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Bạch B từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đồng thời, áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 01 ngày 20/01/2021, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo luật định.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính kể từ ngày bắt chấp hành án, được trừ 01 tháng 23 ngày bị tạm giữ, tạm giam.

- Về Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b) Xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong vụ án gồm 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REALME RMX-2032 là tài sản lấy trộm, do bị cáo B giao nộp, Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại H; Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu SYMEN, biển số 67N2 – 5169, về nguồn gốc xe là của Trần Thanh HI (chồng của B), khai xe mô tô dùng sinh hoạt gia đình, không biết B sử dụng vào việc phạm tội, có đơn xin và đã nhận lại xe nên không đề cập giải quyết.

c) Trách nhiệm dân sự: Bị hại Trịnh Thị Thùy H đã nhận lại tài sản trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm, không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viên kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Bạch B khai nhận, khoảng 11 giờ ngày 25/01/2021, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYMEN, biển số 67N2-5169 của Trần Thanh HI đi khám thai, khi đến quán cà phê của Trịnh Thị Thùy H, bị cáo B nhìn thấy điện thoại di động của chị H để trên sàn nhà; lợi dụng sơ hở, B lấy trộm điện thoại, đem về nhà cất giấu, chờ tiêu thụ, nhưng sau đó bị chị H phát hiện nên bị cáo đầu thú, giao nộp điện thoại cho công an phường trả lại cho chị H.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại Trịnh Thị Thùy H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thanh HI và các tài liệu, chứng cứ khác gồm: Kết luận định giá tài sản; vật chứng thu giữ trong vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra và kiểm chứng tại phiên tòa hôm nay.

Từ đó có đủ cơ sở xác định, bị cáo Trần Thị Bạch B đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động của Trịnh Thị Thùy H, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.510.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có ý thực hiện tội phạm, xâm phạm quyền sở hữu của người khác. Do đó, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng đối với con người. Để được sở hữu tài sản người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, quyền sở hữu được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác đáp ứng quy định của pháp luật sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, phải cố gắng lao động tạo ra tài sản chính đáng cho bản thân nhưng vì hám lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự xem thường pháp luật không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị

an ở địa phương. Bên cạnh đó, bản thân bị cáo là đang chờ đi chấp hành án của bản án khác lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, bị kết án 09 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” đã có quyết định thi hành án, chưa chấp hành, chưa xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp; khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang mang thai; đầu thú, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tự nguyện giao nộp tài sản trộm. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*” (giao nộp tài sản chiếm đoạt), “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và “*Đầu thú*” quy định tại điểm b, n, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REALME RMX-2032 đã trao trả cho bị hại H;

+ 01 xe mô tô, nhãn hiệu SYMEN, biển số 67N2 – 516 là của Trần Thanh HI (chồng của B), không biết B sử dụng vào việc phạm tội, có đơn xin và đã nhận lại xe nên không đề cập giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Bạch B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, n, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Bạch B: 01 (Một) năm tù;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 09 tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án, được khấu trừ 01 tháng 23 ngày bị tạm giữ, tạm giam.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị Bạch B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Trịnh Thị Thùy H, Trần Thanh HI là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân X (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp, tỉnh An Giang (1);
- Nhà Tạm giữ - Công an X (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự X (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc